

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Tuyên Quang, năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	4
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	5
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào.....	5
2.1.1. Tầm nhìn.....	5
2.1.2. Sứ mạng.....	5
2.1.3. Mục tiêu giáo dục	5
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non.....	6
2.2.1. Tầm nhìn.....	6
2.2.2. Sứ mạng.....	6
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	6
3. CHUẨN ĐẦU RA.....	7
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM & KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ.....	8
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	8
5.1. Thông tin tuyển sinh.....	8
5.2. Quy trình đào tạo.....	8
5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	8
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY.....	9
6.1. Đội ngũ giảng viên.....	9
6.2. Cơ sở vật chất	9
7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	9
7.1. Các phương pháp dạy học	9
	11

7.2. Một số kỹ thuật dạy học tích cực	
7.2. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học	13
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	13
8.1. Quy trình đánh giá	13
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá	13
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	15
9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	15
9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	15
9.3. Nội dung chương trình	19
9.4. Kế hoạch giảng dạy	26
9.5. Bản đồ dạy học	32
9.6. Tóm tắt nội dung học phần	33
10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	46
11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	48
12. PHỤ LỤC.....	48
12.1. Bản Chương trình đào tạo được phê duyệt	
12.2. Bộ Đề cương chi tiết học phần	
12.3. Hồ sơ xây dựng chuẩn đầu ra (phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chuẩn đầu ra).....	
12.4. Hồ sơ xây dựng chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát, bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan, biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Quyết định ban hành Chương trình đào tạo).....	
12.5. Hồ sơ tham khảo các chương trình trong nước và quốc tế (Báo cáo tổng hợp, các chương trình tham khảo).....	

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) của Trường Đại học Tân Trào ban hành vào năm 2014. Đây là một ngành học tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT và được sử dụng đào tạo liên tục hằng năm kể từ khi ban hành đến nay. CTĐT cập nhật, chỉnh sửa năm 2022 được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của một số trường đại học trong nước hiện đang đào tạo ngành GDTH; Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; **Quyết định số 667/QĐ-ĐHTT ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.**

CTĐT được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo. Chương trình được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/lần vào các năm 2016, 2018, 2020 theo hướng giảm tính hàn lâm, tăng cường ứng dụng, thực hành, gia tăng sự kết nối, tích hợp giữa các môn học, các nội dung học tập đảm bảo phù hợp với yêu cầu của xã hội và ngành giáo dục. Qua mỗi lần rà soát, CTĐT được cập nhật những vấn đề mới nhất liên quan đến GDTH nói riêng và của ngành giáo dục nói chung. Đặc biệt, chương trình chỉnh sửa năm 2022 trên cơ sở đã được kiểm định chất lượng vào năm 2021 và được cập nhật một số khoa học với Chương trình Giáo dục phổ thông mới của Bộ GD&ĐT. Tài liệu học tập được cập nhật và phù hợp. Đề cương chi tiết (ĐCCT) của CTĐT đầy đủ thông tin tường minh để người học và các bên liên quan dễ tiếp cận.

CTĐT đào tạo giáo viên tiểu học đặc biệt quan tâm chú trọng tới các vấn đề sau đây và đã đạt được các kết quả:

- Đảm bảo chất lượng, hướng tới sự đầu tư chuyên sâu của giảng viên, đảm bảo sự đóng góp của mỗi học phần cho chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học góp phần phát triển các năng lực cho sinh viên và vận dụng trong công tác dạy học sau này ở cấp tiểu học; thúc đẩy tinh thần tự học, sáng tạo, chủ động trong việc học tập, rèn luyện, phát triển các kỹ năng cho bản thân.

- Tài liệu giảng dạy được lựa chọn đảm bảo tính cập nhật, tạo điều kiện cho sinh viên phát huy khả năng tự học đối với mỗi học phần trong CTĐT.

- Việc rèn nghề, thực hành nghề nghiệp của sinh viên được chú trọng trong đào tạo trên cơ sở khai thác sự phối hợp, hỗ trợ tối đa của các cơ sở giáo dục tiểu học trong và ngoài tỉnh; chú trọng các môn học tiềm năng cho việc phát triển năng lực hội nhập quốc tế, các kỹ năng xã hội cần đối với giáo viên tiểu học như: ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, các kỹ năng sư phạm cần thiết...

- Hàng năm, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của ngành GDTH đạt tỉ lệ cao (95%); tỉ lệ sinh viên tìm được việc làm đúng chuyên môn sau khi tốt nghiệp hàng năm là 97%. Mạng lưới cựu sinh viên ngành GDTH của Khoa được thiết lập kết nối với Khoa và hoạt động có hiệu quả trong việc hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên về cơ hội việc làm, cơ hội khởi nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT.

1.2. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình (Tiếng Việt): Giáo dục Tiểu học
- Tên chương trình (Tiếng Anh): Primary Education
- Mã ngành đào tạo: 7140202
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tân Trào
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học.
- Trình độ đào tạo: đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tân Trào; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non, nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Tân Trào

2.1.1. Tầm nhìn

"TTrU sẽ trở thành một trung tâm phát triển bền vững, làm biến đổi cuộc sống và phục vụ cộng đồng"

2.1.2. Sứ mạng

"TTrU là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nâng cao chất lượng cuộc sống và xây dựng đất nước"

2.1.3. Mục tiêu giáo dục

"Đào tạo người học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo một cách vững chắc và thực tiễn, có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt, đáp ứng các chuẩn mực cần thiết của người lao động trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và theo xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới. Người học được trang bị các kiến thức cơ sở ngành đào tạo để có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, khả năng tự học suốt đời trong môi trường công tác sau khi ra trường; có kỹ năng thực hành chuyên sâu và chuyên nghiệp của chuyên ngành được đào tạo, đủ khả năng hành nghề, khả năng tạo việc làm và phát triển sự nghiệp; được trang bị các kỹ năng và phẩm chất của người lao động hiện đại, chú trọng các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, sự tự tin và chủ động trong vị trí công tác được xã hội phân công".

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non sẽ trở thành đơn vị đào tạo giáo viên có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập của nền giáo dục hiện đại; là đơn vị mạnh trong nghiên cứu, tư vấn và định hướng về khoa học giáo dục trong khu vực và cả nước.

2.2.2. Sứ mạng

Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non là địa chỉ tin cậy về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành giáo dục.

2.3. Mục tiêu của chương trình

- Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên tiểu học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ cộng đồng, xây dựng và phát triển đất nước.

- Mục tiêu cụ thể

MT1: Có kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin cơ bản.

MT2: Vận dụng kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết vững chắc về chuyên ngành để làm việc trong các cơ sở giáo dục về lĩnh vực giáo dục tiểu học.

MT3: Đáp ứng các kỹ năng sư phạm cần thiết để tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục.

MT4: Có kĩ năng giao tiếp và giải quyết những vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ.

MT5: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có ý thức phục vụ cộng đồng, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học đạt được những chuẩn đầu ra sau:

3.1. CDR về kiến thức

CDR1. Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

CDR2. Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội để tổ chức dạy học các môn học và giám sát quá trình giáo dục ở tiểu học.

CDR3. Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành về Tâm lí học và Giáo dục học làm nền tảng để thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

CDR4. Lựa chọn các kiến thức ngành và chuyên ngành để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện dạy học và giám sát các hoạt động giáo dục ở tiểu học.

CDR5. Thực hiện có hiệu quả việc tổ chức, quản lí, điều hành các hoạt động chuyên môn và kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học.

3.2. CDR về kĩ năng

- Kĩ năng cứng

CDR6. Đánh giá được kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

CDR7. Vận dụng các công cụ thu thập, phân tích dữ liệu và đánh giá để kịp thời điều chỉnh kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn.

CDR8. Phân tích được các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học để xác định phương án giải quyết phù hợp.

- Kĩ năng mềm

CDR9. Thực hiện có hiệu quả các kĩ năng giao tiếp sư phạm cần thiết trong hoạt động chuyên môn để phổ biến kiến thức, kĩ năng về giáo dục tiểu học tới học sinh, phụ huynh và các tổ chức xã hội liên quan.

CĐR10. Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).

3.3. CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm

CĐR11. Tổ chức làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác và tự chịu trách nhiệm trong công việc.

CĐR12. Giám sát quản lý các nguồn lực, tự định hướng và bảo vệ các kết luận về chuyên môn với trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

4.1. Về vị trí việc làm

- Giáo viên văn hóa, tổng phụ trách đội, cán bộ quản lý ở trường tiểu học.
- Chuyên viên, tư vấn viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở liên quan đến Giáo dục tiểu học.
- Giáo viên văn hóa, tổng phụ trách đội, cán bộ quản lý ở trường tiểu học.
- Chuyên viên, tư vấn viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở liên quan đến Giáo dục tiểu học.

4.2. Về khả năng phát triển và nâng cao trình độ

- Có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học về Giáo dục tiểu học và các lĩnh vực khác liên quan đến Giáo dục Tiểu học.
- Tiếp tục học tập ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc các chuyên ngành Giáo dục tiểu học, Quản lý giáo dục hoặc các chuyên ngành gần.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.
- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.
- Vùng tuyển sinh: cả nước.

5.2. Quy trình đào tạo

Theo Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Theo chương III, Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

6.1. Đội ngũ giảng viên

- Trường Đại học Tân Trào hiện có số giảng viên cơ hữu trình độ từ thạc sĩ trở lên đảm bảo 100% tham gia giảng dạy CTĐT ngành GDTH. Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT là 67 người, trong đó, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 20 chiếm 29,9 %. Thông tin về giảng viên được thể hiện rõ ràng trên mỗi đề cương học phần thuộc tất cả các kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành của CTĐT.

- Trường Đại học Tân Trào hiện có Trường phổ thông Tuyên Quang là trường thực hành đóng tại Trường, trong đó có cấp tiểu học đảm bảo công tác thực hành, thực tập sư phạm cho giáo sinh được thuận lợi. Trường thực hành có cơ sở vật chất đầy đủ, đội ngũ giáo viên hướng dẫn có chuyên môn vững vàng, năng động, nhiệt tình đảm bảo chất lượng và hiệu quả tốt.

6.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ hiện đại, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ dạy – học.

- Phòng thực hành cho bộ môn Âm nhạc và Mĩ thuật, trang thiết bị phục vụ dạy học đầy đủ đảm bảo hoạt động giảng dạy và học tập của người học.

- Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo đảm bảo phục vụ cho nhu cầu dạy và học thuộc chuyên ngành GDTH. Nhà trường kết nối 45 máy tính với Trung tâm Học liệu thuộc Đại học Thái Nguyên để khai thác tài liệu điện tử. Website của nhà trường thường xuyên được cập nhật các thông tin. Gần 400 máy tính nối mạng internet. Hệ thống mạng không dây (wifi) phủ kín trong toàn bộ không gian của Trường. Hiện tại, Nhà trường đang sử dụng nhiều phần mềm trong công tác quản lý như: quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý cán bộ. Tổng diện tích thư viện: 212 m² trong đó diện tích phòng đọc là hơn 100m²; số chỗ ngồi là 150; số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 50 máy. Phần mềm quản lý thư viện số GREENSTONE.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

7.1. Các phương pháp dạy học

Ngành GDTH lựa chọn một số phương pháp dạy học cơ bản sau:

- *Thuyết trình*: giảng viên (GV) trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. GV là người thuyết trình, diễn giảng, sinh viên (SV) nghe giảng, ghi chép để tiếp nhận các kiến thức mà GV truyền đạt.

- *Câu hỏi gợi mở*: trong tiến trình dạy học, GV sử dụng các câu hỏi gợi mở, hướng dẫn SV từng bước trả lời câu hỏi. SV có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra.

- *Giải quyết vấn đề*: trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Qua đó, SV đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

- *Dạy học theo tình huống*: đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, để hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, GV liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu SV giải quyết để hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng nghiên cứu.

- *Thực tập, thực hành*: thông qua các hoạt động làm bài tập, thực tập, thực hành tại trường tiểu học SV luyện tập, hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo, học hỏi các phương pháp làm việc chuyên nghiệp và văn hóa trường học, hình thành kiến thức kỹ năng và cơ hội nghề nghiệp cho SV sau khi tốt nghiệp.

- *Dạy học tương tác*: GV sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở, yêu cầu SV thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. GV với vai trò hướng dẫn SV từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp SV nắm vững kiến thức, hình thành và phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

- *Thảo luận*: là phương pháp dạy học trong đó SV được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được GV đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

- *Học nhóm*: SV được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

- *Phương pháp tự học*: đây là một quá trình giúp SV tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua thực hiện các bài tập hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn. Phương pháp tự học được áp dụng chủ yếu là giải bài tập ở nhà (Work Assignment).

- *Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình*: là phương pháp sử dụng một câu chuyện có thật hoặc chuyện được viết dựa trên những trường hợp thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn để minh chứng cho một vấn đề hay một số vấn đề. Đôi khi nghiên cứu trường hợp điển hình có thể được thực hiện trên video hay một băng cassette mà không phải trên văn bản viết.

- *Phương pháp đóng vai*: là phương pháp tổ chức cho người học thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp người học suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được. Việc “điển” không phải là phần chính của phương pháp này mà điều quan trọng là sự thảo luận sau phần điển ấy.

- *Phương pháp trò chơi*: là phương pháp tổ chức cho người học tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, những thái độ, những việc làm thông qua một trò chơi nào đó.

- *PP Bàn tay nặn bột*: là một phương pháp dạy học tích cực dựa trên thí nghiệm, nghiên cứu, áp dụng giảng dạy cho các môn học tự nhiên. Phương pháp này chú trọng tới việc hình thành kiến thức bằng các thí nghiệm tìm tòi nghiên cứu để chính người học tìm ra câu trả lời cho các vấn đề được đặt ra trong cuộc sống thông qua tiến hành thí nghiệm, quan sát, nghiên cứu tài liệu hoặc điều tra. Với một vấn đề khoa học, người học có thể đặt ra câu hỏi, giả thiết từ hiểu biết ban đầu, tiến hành thí nghiệm, nghiên cứu, kiểm chứng, so sánh, phân tích, thảo luận và đưa ra kết luận phù hợp.

- *Dạy học theo dự án (Phương pháp dự án)*: là phương pháp trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, gắn với thực tiễn, kết hợp lí thuyết với thực hành. Nhiệm vụ này được người học thực hiện với tính tự lực cao, từ việc lập kế hoạch đến việc thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện dự án. Hình thức làm việc chủ yếu là theo nhóm. Kết quả dự án là những sản phẩm hành động có thể giới thiệu được.

7.2. Một số kĩ thuật dạy học tích cực

- *Kĩ thuật đặt câu hỏi*: trong dạy học theo PP cùng tham gia, GV thường phải sử dụng câu hỏi để gợi mở, dẫn dắt người học tìm hiểu, khám phá thông tin, kiến thức, kĩ

năng mới, để đánh giá kết quả học tập của người học. Mặt khác, người học cũng phải sử dụng câu hỏi để hỏi lại, hỏi thêm GV và người học khác về những nội dung bài học chưa sáng tỏ.

- *Kỹ thuật khăn trải bàn*: là tổ chức hoạt động mang tính kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm. Từng thành viên viết ý kiến của mình vào góc của tờ giấy. Nhóm trưởng và thư ký sẽ tổng hợp các ý kiến và lựa chọn những ý kiến quan trọng viết vào giữa tờ giấy. Mỗi thành viên làm việc tại góc riêng của mình.

- *Kỹ thuật các mảnh ghép*: người học được phân thành các nhóm, sau đó GV phân công cho mỗi nhóm thảo luận, tìm hiểu sâu về một vấn đề của bài học. Người học thảo luận nhóm về vấn đề đã được phân công. Sau đó, mỗi thành viên của các nhóm này sẽ tập hợp lại thành các nhóm mới, như vậy trong mỗi nhóm mới sẽ có đủ các “chuyên gia” về vấn đề đã được thảo luận và mỗi “chuyên gia” về từng vấn đề sẽ có trách nhiệm trao đổi lại với cả nhóm về vấn đề mà người học đã có cơ hội tìm hiểu sâu ở nhóm cũ.

- *Kỹ thuật động não*: là kỹ thuật giúp cho người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề nào đó. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng.

- *Kỹ thuật XYZ (còn gọi là kỹ thuật 635)*: là một kỹ thuật làm việc nhóm nhằm phát huy tính tích cực của mỗi thành viên trong nhóm, trong đó mỗi nhóm có X thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra Y ý kiến trong khoảng thời gian Z. Mô hình thông thường mỗi nhóm có 6 thành viên, mỗi thành viên cần đưa ra 3 ý kiến trong khoảng thời gian 5 phút, do vậy, kỹ thuật này còn gọi là kỹ thuật 635.

- *Kỹ thuật "Bê cá"*: là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm thành viên ngồi giữa phòng và thảo luận với nhau; còn những thành viên khác ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những thành viên đang thảo luận. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

- *Kỹ thuật "Lược đồ tư duy" hay "Sơ đồ tư duy"*: Kỹ thuật này là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Kỹ thuật này giúp GV và người học trình bày các ý tưởng một cách rõ ràng, suy nghĩ sáng tạo, học tập thông qua biểu đồ, tóm tắt thông tin của một bài học hay một cuốn sách, hệ thống lại kiến thức đã học, tăng cường khả năng ghi nhớ,...

* Ngoài ra, tùy thuộc đặc trưng của từng học phần, giảng viên có thể vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học dạy học khác phù hợp và hiệu quả.

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học gồm:

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan đổi mới của ngành Giáo dục và Đào tạo. CTĐT chỉnh sửa năm 2022 đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới. Chương trình đã được kiểm định chất lượng và phát huy các mặt mạnh đạt được và cải tiến chất lượng.

- Hàng năm, các Khoa/Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên để chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá người học.

- Khoa/Bộ môn lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên, ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp để có biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Theo Điều 14, 15, 16, 17, 18, chương III, Quyết định số 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

CTĐT áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. Tùy thuộc vào CDR và phương pháp dạy - học của từng học phần, các phương pháp đánh giá được lựa chọn nhằm đảm bảo sự phù hợp và đánh giá được mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học. Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT gồm:

- Đánh giá sự tham gia trên lớp (In-class participation): ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên và ý thức, thái độ học tập của sinh viên kết hợp với đánh giá việc phát biểu xây dựng bài giảng trong giờ học.

- Đánh giá bài tập (Work Assignment): mức độ thực hiện bài tập của sinh viên và việc thực hiện bài tập bởi cá nhân hoặc nhóm.

- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation): Sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm...

- Đánh giá hoạt động (Performance test): Sinh viên thực hiện một số hoạt động, kỹ thuật cụ thể theo các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của học phần.

- Kiểm tra viết (Written Exam): yêu cầu trả lời một số câu hỏi, làm bài tập hay đưa ra ý kiến cá nhân về những vấn đề chủ yếu liên quan đến các CDR về kiến thức của học phần.

- Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam): yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

- Thi vấn đáp (Oral Exam): đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

- Viết báo cáo (Written Report): đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hay hình ảnh trong báo cáo.

- Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

- Báo cáo thực tập/Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report/Thesis): được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá (rubrics).

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Điểm học phần gồm điểm các thành phần: Điểm thành phần 1 là điểm chuyên cần, ý thức học tập, trọng số 10% gồm: *thái độ tham dự*: 2%, (trong đó, luôn chú ý và tham gia các hoạt động: 2%; khá chú ý, có tham gia: 1,5%; có chú ý, ít tham gia: 1%; không chú ý, không tham gia: 0%); *thời gian tham dự*: 8% (nếu vắng 01 tiết trừ 1%; vắng quá 20% tổng số tiết của học phần 0 điểm). Điểm thành phần 2 là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%. Điểm thành phần 3 là điểm thi kết thúc học phần, trọng số 60%.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ và thang điểm 4 như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0
2	Từ 8 đến 8,4	B+	3,5

3	Từ 7 đến 7,9	B	3,0
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
6	Từ 5 đến 5,4	D+	1,5
7	Từ 4 đến 4,9	D	1,0
8	Dưới 4,0	F	0

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ của CTĐT: 132 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 28 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 17 tín chỉ;
- Kiến thức ngành: 36 tín chỉ;
- Kiến thức chuyên ngành: 37 tín chỉ;
- Thực tập: 8 tín chỉ;
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.

9.2. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kỹ năng					Mức độ TC & TN	
							Cứng		Mềm				
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12
A. Kiến thức giáo dục đại cương													
I. Lý luận chính trị													
LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	2											
LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2											
LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2											
LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2											
LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2											

II. Ngoại ngữ									
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	2						2	
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2							2	
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3							2	
III. Tin học									
TN2.1.501.2	Tin học đại cương	3							
TI2.1.502.2	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học							3	
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội									
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2							1
TN2.1.026.2	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội	3			2				
V. Giáo dục thể chất									
Bắt buộc									
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2							
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:									
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2							
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2							
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2							
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2							
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2							
TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	2							
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	2							
TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2							
Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:									
TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2							
TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2							
TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2							
TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2							
TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2							

TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2								
TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2								
TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2								
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh										
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	1								
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	1								
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	1								
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	1								
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp										
I. Kiến thức cơ sở ngành										
Bắt buộc										
TL2.1.204.4	Tâm lý học		2							
TL2.1.206.4	Giáo dục học		2							
TL2.1.005.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục		2			1				
TL2.1.092.3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học		3							
TL2.1.091.2	Nghi thức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh		2							
Tự chọn nhóm 3 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:										
TL2.1.006.2	Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học		3			1				
TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm		3					2		
TL2.1.096.2	Giáo dục đặc biệt		2							
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2								
II. Kiến thức ngành										
Bắt buộc										
VD2.1.139.2	Âm nhạc 1			3						
NT2.1.004.2	Mĩ thuật cơ bản 1			3	2				1	
TN2.1.402.2	Giáo dục môi trường			3					2	
TN2.1.401.2	Sinh lý học trẻ em			3					2	
LL2.1.005.2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo				3					2

TH2.1.040.2	Cơ sở lí thuyết tập hợp và logic toán			3					
TH2.1.066.2	Các tập hợp số			3					
TH2.1.067.2	Số học			2			2		2
TH2.1.043.2	Xác suất thống kê			3					
TH2.1.044.2	Đại số sơ cấp			2					
TH2.1.046.3	Hình học sơ cấp			3			2		2
TH2.1.064.2	Tiếng Việt 1			3			2		1
TH2.1.050.3	Tiếng Việt 2			3			2		1
TH2.1.065.2	Tiếng Việt 3			3			2		1
TH2.1.052.3	Văn học 1			2		1			1
TH2.1.053.2	Văn học 2			3		1			1
Tự chọn nhóm 4 (2 x 2 tín chỉ); chọn 02 trong các học phần sau:									
NT2.1.002.2	Âm nhạc 2			3					
NT2.1.005.2	Mĩ thuật cơ bản 2			3			2		1
NT2.1.006.2	Thường thức mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật			3			2		1
NT2.1.003.2	Tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa			3					
III. Kiến thức chuyên ngành									
Bắt buộc									
TH2.1.058.3	Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội			2		3			2
NT2.1.008.4	Công nghệ và PPDH Công nghệ ở tiểu học			3			2		1
LL2.1.014.2	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học			3		2			
TH2.1.068.3	Thực hành giải Toán tiểu học 1			3					2
TH2.1.069.2	Thực hành giải Toán tiểu học 2			3					2
TH2.1.008.4	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học			3		2			2
TH2.1.054.3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học					3	2		1
TH2.1.025.2	Tiếng Việt thực hành			3			2		1
TH2.1.062.2	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1			2		3			2

TH2.1.063.3	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2			2	3				2
TH2.1.070.2	Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học			3			3		1
Tự chọn nhóm 5 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:									
TH2.1.007.2	Mở rộng các tập hợp số			3					
TH2.1.047.2	Thực hành phương pháp DH Toán ở TH			3		1			2
TH2.1.048.2	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học			3					1
TH2.1.058.2	Lịch sử Toán học		2						
TH2.1.059.2	Đại số tuyến tính			2		1			
Tự chọn nhóm 6 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:									
TH2.1.036.2	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học			3			3		1
TH2.1.055.2	Thi pháp trong văn học thiếu nhi			2	1				1
TH2.1.060.2	Từ Hán Việt và việc dạy học từ Hán Việt ở tiểu học			3			2		1
TH2.1.061.2	Văn học dân gian Việt Nam			3			2		1
IV. Thực tập									
TH2.1.029.4	Thực tập 1				3	2			2
TH2.1.030.4	Thực tập 2				3	2			2
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
<i>Khóa luận tốt nghiệp:</i>									
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>									
TH2.1.056.3	Bồi dưỡng và phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học giải toán.			2					
TH2.1.057.3	Hoạt động giao tiếp với dạy học tiếng Việt ở tiểu học			3			2		1
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 132 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)									

0= Không đóng góp; 1= Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo (Theo thang nhân thức của Bloom)

9.3. Nội dung chương trình

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
A. Kiến thức giáo dục đại cương			28						
I. Lý luận chính trị			11						
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin	3	43	2				
2	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	2	25	5			LL2.1.040.3	
3	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL2.1.041.2	
4	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10			LL2.1.042.2	
5	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20	10			LL2.1.043.2	
II. Ngoại ngữ			9		9				
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	20	25				
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	20	25			NN2.1.001.3	
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	20	25			NN2.1.002.3	
III. Tin học			4						
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15				
10	TN2.1.502.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	14	16			TN2.1.501.2 TH2.1.054.3	
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội			4						
11	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	29	1				
12	TN2.1.026.2	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội	2	27	3				
V. Giáo dục thể chất			7						
Bắt buộc									
13	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2		30				
Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong									

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
<i>các học phần sau</i>									
14	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4	41			Không	
15	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	3	42				
16	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	3	42				
17	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3	42				
18	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2	43				
19	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	3	42				
20	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4	41				
21	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	3	42				
<i>Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:</i>									
22	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2		30			Không	
23	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2		30				
24	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2		30				
25	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2		30				
26	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2	28				
27	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi	2		30				

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		lợi 2)							
28	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2		30				
29	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2	28				
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh			9						
30	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng- An ninh 1	3	45					
31	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng- An ninh 2	2	30					
32	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng- An ninh 3	2	14	16				
33	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng- An ninh 4	2	4		56			
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			104						
I. Kiến thức cơ sở ngành			17						
Bắt buộc			15						
34	TL2.1.204.4	Tâm lý học	4	26	34				
35	TL2.1.206.4	Giáo dục học	4	28	32				
36	TL2.1.005.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	14	16				
37	TL2.1.092.3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	3	14	16		45		
38	TL2.1.091.2	Nghi thức Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	2	9	2	38			
Tự chọn nhóm 3 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			2						
39	TL2.1.006.2	Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học	2	14	16				

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
40	TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm	2	14	16				
41	TL2.1.096.2	Giáo dục đặc biệt	2	10	5	16	21		
42	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	14	1		45		
II. Kiến thức ngành			36						
Bắt buộc			32						
43	LL2.1.005.2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	15	15				
44	VD2.1.139.2	Âm nhạc 1	2	18	11	2			
45	TN2.1.402.2	Giáo dục môi trường	2	19	7		12		
46	TN2.1.401.2	Sinh lý học trẻ em	2	22	8				
47	NT2.1.004.2	Mỹ thuật cơ bản 1	2	12	18				
48	TH2.1.040.2	Cơ sở lí thuyết tập hợp và logic toán	2	15	15				
49	TH2.1.066.2	Các tập hợp số	2	13	17			TH2.1.040.2	
50	TH2.1.067.2	Số học	2	15	15			TH2.1.066.2	
51	TH2.1.043.2	Xác suất thống kê	2	14	16				
52	TH2.1.044.2	Đại số sơ cấp	2	15	15			TH2.1.066.2	
53	TH2.1.046.3	Hình học sơ cấp	3	24	21				
54	TH2.1.064.2	Tiếng Việt 1	2	15	15				
55	TH2.1.050.3	Tiếng Việt 2	3	21	24			TH2.1.064.2	
56	TH2.1.065.2	Tiếng Việt 3	2	15	15			TH2.1.050.3	
57	TH2.1.052.3	Văn học 1	3	21	24				
58	TH2.1.053.2	Văn học 2	2	15	15			TH2.1.052.3	
	Tự chọn nhóm 4 (2 x 2 tín chỉ); chọn 2 trong các học phần sau:		4						

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
59	VD2.1.140.2	Âm nhạc 2	2	7	21	4		VD2.1.139.2	
60	NT2.1.005.2	Mỹ thuật cơ bản 2	2	12	18			NT2.1.004.2	
61	VD2.1.141.2	Tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa	2	9	20	2		VD2.1.140.2	
62	NT2.1.006.2	Thường thức mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật	2	15	15			NT2.1.004.2	
III. Kiến thức chuyên ngành			37						
Bắt buộc			33						
63	TH2.1.058.3	Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội	3	19	26			TN2.1.026.2	
64	NT2.1.008.4	Công nghệ và PPDH Công nghệ ở tiểu học	4	20	40				
65	LL2.1.014.2	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học	2	16	14				
66	TH2.1.068.3	Thực hành giải Toán tiểu học 1	3	15	30			TH2.1.008.4	
67	TH2.1.069.2	Thực hành giải Toán tiểu học 2	2	7	23			TH2.1.008.4	
68	TH2.1.008.4	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	4	30	30			TH2.1.066.2	
69	TH2.1.054.3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học	3	5	2	38		TH2.1.063.3 TH2.1.058.3	
70	TH2.1.019.2	Tiếng Việt thực hành	2	12	18				
71	TH2.1.062.2	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	2	12	18			TH2.1.065.2	
72	TH2.1.063.3	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	15	30			TH2.1.065.2 TH2.1.062.2	
73	TH2.1.070.2	Bồi dưỡng học sinh giỏi	2	12	18				

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khóa luận tốt nghệ	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		tiếng Việt ở tiểu học							
Tự chọn nhóm 5 (1 x2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			2						
74	TH2.1.007.2	Mở rộng các tập hợp số	2	15	15			TH2.1.066.2	
75	TH2.1.047.2	Thực hành phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	2	11	19			TH2.1.008.4	
76	TH2.1.011.2	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	2	15	15			TH2.1.008.4	
77	TH2.1.058.2	Lịch sử Toán học	2	14	16				
78	TH2.1.059.2	Đại số tuyến tính	2	16	14				
Tự chọn nhóm 6 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			2						
79	TH2.1.036.2	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	2	12	18				
80	TH2.1.055.2	Thi pháp trong văn học thiếu nhi	2	15	15			TH2.1.053.2	
81	TH2.1.060.2	Từ Hán Việt và việc dạy học từ Hán Việt ở tiểu học	2	16	15				
82	TH2.1.061.2	Văn học dân gian Việt Nam	2	21	9				
IV. Thực tập			8						
83	TH2.1.024.4	Thực tập 1	4				200	TH2.1.054.3	
84	TH2.1.025.4	Thực tập 2	4				200	TH2.1.024.4	
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
Khóa luận tốt nghiệp			6*						
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp									
85	TH2.1.056.3	Bồi dưỡng và phát triển	3	9	36			TH2.1.008.4	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận			
		năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học giải toán.							
86	TH2.1.057.3	Hoạt động giao tiếp với dạy học tiếng Việt ở tiểu học	3	27	18			TH2.1.063.3	
Tổng số tín chỉ toàn khóa (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục QP-AN):			132						

9.4. Kế hoạch giảng dạy

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	LL2.1.040.3	Triết học Mác Lênin		3	3								
2	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
3	TH2.1.040.2	Cơ sở lí thuyết tập hợp và logic toán		2	2								
4	TL2.1.204.4	Tâm lý học		4	4								
5	TH2.1.064.2	Tiếng Việt 1		2	2								
6	TH2.1.052.3	Văn học 1		3	3								
7	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2	2*								
	Tự chọn nhóm 1 (1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			3									
8	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)		3									
9	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)		3		3*							
10	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)		3									
11	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)		3									

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
12	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)		3									
13	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)		3									
14	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)		3									
15	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)		3									
16	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1		3									
17	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2		2									
18	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3		2		9*							
19	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4		2									
20	LL2.1.041.2	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	LL2.1.040.3	2		2							
21	TL2.1.206.4	Giáo dục học		4		4							
22	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		3							
23	TH2.1.050.3	Tiếng Việt 2	TH2.1.049.3	3		3							
24	TH2.1.066.2	Các tập hợp số	TH2.1.040.2	2		2							
25	TH2.1.043.2	Xác suất thống kê	TH2.1.040.2	2		2							
	Tự chọn nhóm 2 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			3									
26	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)		2									
27	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)		2									
28	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)		2			2*						
29	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)		2									
30	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)		2									
31	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)		2									

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
32	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)		2									
33	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)		2									
34	LL2.1.042.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.041.2	2			2						
35	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			3						
36	TH2.1.067.2	Số học	TH2.1.066.2	2			2						
37	TH2.1.065.2	Tiếng Việt 3	TH2.1.050.3	2			2						
38	TH2.1.019.2	Tiếng Việt thực hành		2			2						
39	TN2.1.026.2	Cơ sở tự nhiên và xã hội		2			2						
40	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2			2						
41	TH2.1.062.2	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1		2			2						
42	LL2.1.043.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.042.2	2				2					
43	TH2.1.058.3	Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội	TN2.1.026.2	3				3					
44	TN2.1.502.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	TN2.1.501.2 TH2.1.018.3	2				2					
45	TH2.1.044.2	Đại số sơ cấp	TH2.1.041.3	2				2					
46	TH2.1.053.2	Văn học 2	TH2.1.052.3	2				2					
47	TL2.1.005.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục		2				2					
48	TH2.1.063.3	Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2	TH2.1.062.2	3				3					
49	NT2.1.008.4	Công nghệ và PPDH Công nghệ ở TH		4					4				
50	LL2.1.044.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.043.2	2					2				

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
51	TH2.1.008.4	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	TH2.1.041.3	4					4				
52	TH2.1.054.3	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học	TH2.1.063.3 TH2.1.058.3	3					3				
53	LL2.1.014.2	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học		2					2				
54	TN2.1.401.2	Sinh lý học trẻ em		2					2				
55	TN2.1.402.2	Giáo dục môi trường		2						2			
56	TH2.1.046.3	Hình học sơ cấp		3						3			
57	TL2.1.092.3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học		3						3			
58	TH2.1.029.4	Thực tập 1	TH2.1.054.3	4						4			
59	TH2.1.068.3	Thực hành giải toán tiểu học 1	TH2.1.008.4	3						3			
60	NT2.1.004.2	Mỹ thuật cơ bản 1		2						2			
61	VD2.1.139.2	Âm nhạc 1		2							2		
62	LL2.1.005.2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	LL2.1.040.3	2								2	
63	TL2.1.091.2	Nghi thức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh		2								2	
	Tự chọn nhóm 3 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:			2									
64	TL2.1.006.2	Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học		2									
65	TL2.1.008.2	Giao tiếp sư phạm		2								2	
66	TL2.1.096.2	Giáo dục đặc biệt		2									
67	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2									
	Tự chọn nhóm 5 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:											2	

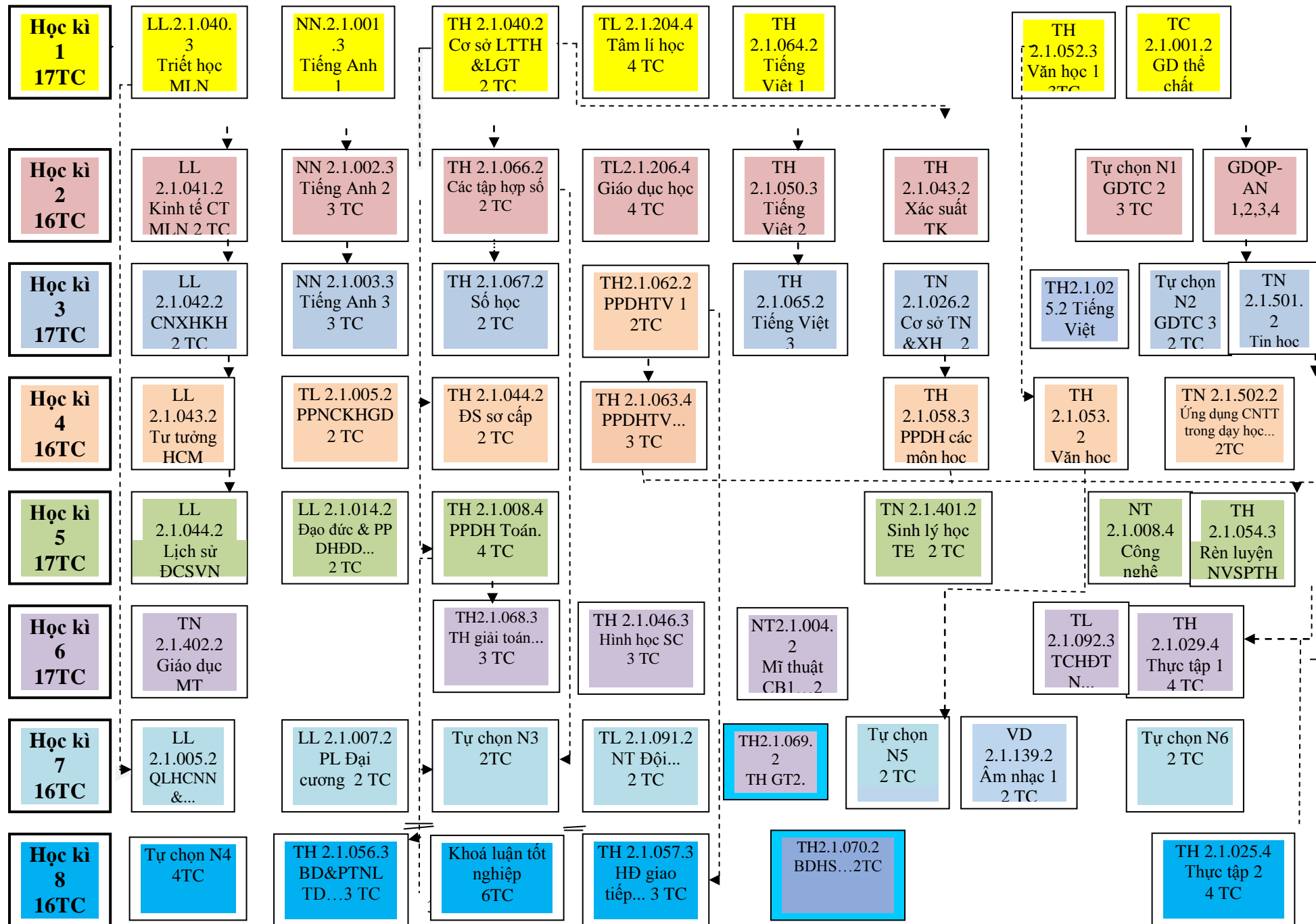
Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
68	TH2.1.007.2	Mở rộng các tập hợp số	TH2.1.066.3	2									
69	TH2.1.047.2	Thực hành phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	TH2.1.008.4	2									
70	TH2.1.048.2	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	TH2.1.008.4	2									
71	TH2.1.058.2	Lịch sử Toán học											
72	TH2.1.059.2	Đại số tuyến tính											
	Tự chọn nhóm 6 (1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:												
73	TH2.1.036.2	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học		2									
74	TH2.1.055.2	Thi pháp trong văn học thiếu nhi	TH2.1.053.2	2							2		
75	TH2.1.060.2	Từ Hán Việt và việc dạy học từ Hán Việt ở tiểu học		2									
76	TH2.1.061.2	Văn học dân gian Việt Nam		2									
77	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2							2		
78	TH2.1.069.2	Thực hành giải toán tiểu học 2	TH2.1.008.4	2							2		
79	TH2.1.070.2	Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học		2									2
80	TH2.1.030.4	Thực tập 2	TH2.1.029.4	4									4
	Tự chọn nhóm 4 (2 x 2 tín chỉ); chọn 02 trong các học phần sau:												
81	NT2.1.005.2	Mỹ thuật cơ bản 2	NT2.1.004.2	2									
82	VD2.1.140.2	Âm nhạc 2	VD2.1.139.2	2									
83	VD2.1.141.2	Tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa **	VD2.1.140.2	2									4
84	NT2.1.006.2	Thường thức mỹ thuật và phương	NT2.1.004.2	2									

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
		pháp dạy học Mĩ thuật											
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp												
85	TH2.1.056.3	Bồi dưỡng và phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học giải toán.	TH2.1.008.4	3									3
86	TH2.1.057.3	Hoạt động giao tiếp với dạy học tiếng Việt ở tiểu học	TH2.1.019.4	3									3
	Khóa luận tốt nghiệp												6*
Cộng (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh):				132	17	16	17	16	17	17	16	16	16

(Ghi chú: dấu * là học phần thuộc Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh và khóa luận tốt nghiệp; dấu ** lưu ý điều kiện tiên quyết trong nhóm học phần tự chọn)

9.5. Bản đồ chương trình dạy học

Bản đồ chương trình dạy học (Cây tiến trình CTĐT) – Ngành Giáo dục Tiểu học, trình độ đại học



9.6. Mô tả nội dung các học phần

1	<p>Triết học Mác - Lênin: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.</p>
2	<p>Kinh tế Chính trị Mác - Lênin: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Triết học Mác – Lê nin</i></p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Kinh tế chính trị Mác – Lê nin như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>
3	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Kinh tế chính trị Mác – Lênin.</i></p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học như: sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, liên minh giai cấp, cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội để từ đó người học có lý luận, phương pháp luận đánh giá được thực tiễn chủ nghĩa xã hội trên thế giới và trong nước.</p>
4	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Chủ nghĩa xã hội khoa học.</i></p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người.</p>
5	<p>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh.</i></p> <p>Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và</p>

	<p>những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành tựu, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng.</p>
6	<p>Tiếng Anh 1: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì quá khứ đơn, hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, trạng từ tần suất; cấu trúc Be going to, mẫu câu hỏi, động từ khuyết thiếu can/ have to/ must và các chủ đề: Kỳ nghỉ và ngày cuối tuần, thông tin cá nhân, thời gian rảnh rỗi, người bạn thân nhất; công việc; sở thích cá nhân, kế hoạch trong tương lai, hỏi và trả lời qua điện thoại, thảo luận và đưa ra lời khuyên cho người học ngôn ngữ, nói về năng khiếu và quy tắc trong trường học, mô tả về khả năng của bản thân bằng Tiếng Anh.</p>
7	<p>Tiếng Anh 2: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tiếng Anh 1</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về thì hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, thói quen trong quá khứ, các mệnh đề quan hệ; Mô tả, nêu ý kiến về giao thông, du lịch, sức khỏe, thực phẩm và tiền tệ bằng Tiếng Anh.</p>
8	<p>Tiếng Anh 3: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tiếng Anh 2</i></p> <p>Học phần tập trung phát triển khả năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề thường gặp như tự nhiên, xã hội, công nghệ và giải trí; nâng cao khả năng mô tả, thảo luận, và đưa ra các quan điểm cá nhân về các vấn đề thường gặp trong cuộc sống.</p>
9	<p>Tin học đại cương: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm ứng dụng Microsoft Office (biết tạo và xử lý văn bản bằng phần mềm MS Word, tạo và xử lý bảng tính MS Excel, thiết kế trang trình diễn với phần mềm PowerPoint) và mạng máy tính, Internet.</p>
10	<p>Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở Tiểu học: 2TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tin học đại cương,</i></p> <p>Giải thích được xu hướng, tác động của công nghệ thông tin (CNTT) trong Giáo dục và Đào tạo; phân tích được cơ sở lí luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) trong dạy học ở tiểu học; vận dụng, khai thác được một số ứng dụng dạy học và công cụ đánh giá trực tuyến, xây dựng được quy trình và</p>

	thiết kế được bài dạy có ứng dụng CNTT trong dạy học.
11	<p><i>Giáo dục môi trường: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức về khoa học môi trường, các giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nguyên nhân ô nhiễm môi trường, hiện trạng môi trường và phát triển bền vững, nội dung và phương pháp giáo dục môi trường thông qua các môn học, các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.</p>
12	<p><i>Sinh lý học trẻ em: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên tiểu học các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, chức năng và quá trình sinh lý của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể trẻ em; các biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ em một cách khoa học, phù hợp với lứa tuổi.</p>
13	<p><i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Triết học Mác Lênin</i></p> <p>Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về Nhà nước, Nhà nước CHXHCN Việt Nam, quản lý hành chính nhà nước, công vụ, công chức, tiêu chuẩn, chức danh đối với một số ngạch viên chức cụ thể; đường lối quan điểm của Đảng và nhà nước về giáo dục và đào tạo, mục tiêu, giải pháp phát triển giáo dục; luật Giáo dục; các điều lệ, quy chế trong hoạt động giáo dục, thực tiễn giáo dục địa phương.</p>
14	<p><i>Pháp luật đại cương: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Triết học Mác - Lênin</i></p> <p>Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, nhà nước và pháp luật nước CHXHCN Việt Nam; pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự; pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự; pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính; pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</p>
15	<p><i>Cơ sở Tự nhiên và xã hội: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức khái quát về hệ thực vật, hệ động vật và tìm hiểu sơ lược về con người - sức khỏe ; các dạng vật chất, vật liệu và một số năng lượng thường gặp trong cuộc sống; Địa lý tự nhiên đại cương, địa lý các châu lục và Địa lý Việt Nam, một số kiến thức chung về gia đình, nhà trường và quê hương; lịch sử Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho đến nay và lịch sử địa phương.</p>
16	<i>Giáo dục thể chất 1: 2 TC</i>

	<p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
17	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
18	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; một số điểm luật, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
19	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
20	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
21	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
22	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng chống chấn thương và tự vệ trong cuộc sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức,</p>

	ý thức giúp đỡ bạn bè.
23	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
24	<p><i>Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1): 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
25	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bóng đá; bài tập phối hợp, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
26	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản môn bóng bàn; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
27	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng chuyền, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
28	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn cầu lông; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
29	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn võ Vovinam, phòng tránh chấn thương và tự vệ trong cuộc</p>

	sống; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.
30	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn điền kinh, cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
31	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về môn bóng rổ; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
32	<p><i>Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2): 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không</p> <p>Học phần giúp người học phát triển thể chất, cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bơi lội, phòng chống đuối nước; cách thức tổ chức, phương pháp luyện tập; hình thành phẩm chất đạo đức, ý thức giúp đỡ bạn bè.</p>
33	<p><i>Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và công tác quốc phòng an ninh trong tình hình mới; hình thành phẩm chất đạo đức, yêu chủ nghĩa xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần đoàn kết.</p>
34	<p><i>Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, những quy định của pháp luật về một số vấn đề xã hội.</p>
35	<p><i>Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các quy định nền nếp, nội vụ, điều lệnh; lịch sử, truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam; Nội dung, bản chất của một số kỹ năng cơ bản trong chiến đấu. Hình thành kỹ năng quân sự chung, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ đối với Tổ quốc.</p>

36	<p><i>Giáo dục quốc phòng – An ninh 4: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng, cấu tạo, nguyên lý sử dụng, bảo quản một số loại vũ khí bộ binh thông thường; Nguyên lý kỹ thuật chiến đấu cá nhân; Các quy định khi thực hiện một số nhiệm vụ trong quân đội. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.</p>
37	<p><i>Tâm lý học: 4 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản về: Tâm lý học đại cương; tâm lý học lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm tiểu học.</p>
38	<p><i>Giáo dục học: 4 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản về giáo dục học như những vấn đề chung về giáo dục học, lý luận dạy học và lý luận giáo dục tiểu học.</p>
39	<p><i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm kiến thức cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục; Các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; các giai đoạn thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; các giai đoạn thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.</p>
40	<p><i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Môn học trang bị cho người học các kiến thức về những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học; tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.</p>
41	<p><i>Nghi thức Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần Nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh bao gồm các nội dung cơ bản về những vấn đề chung về nghi thức Đội TNTP Hồ Chí Minh; những kỹ năng cơ bản đối với người đội viên, của Người chỉ huy nghi thức Đội và các nội dung về đội hình, đội ngũ.</p>
42	<p><i>Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức về đánh giá trong giáo dục, một số quy định về đánh giá kết quả giáo dục ở Việt Nam, quy trình đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học, các phương pháp và kỹ thuật đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu</p>

	học.
43	<p><i>Giao tiếp sư phạm: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; Quá trình giáo dục, nguyên tắc nội dung, phương pháp và môi trường giáo dục.</p>
44	<p><i>Giáo dục đặc biệt: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: những vấn đề chung về giáo dục đặc biệt; Nguyên tắc, mục tiêu, nội dung và hình thức giáo dục và đánh giá trong giáo dục đặc biệt.</p>
45	<p><i>Cơ sở văn hoá Việt Nam: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn hóa dân tộc. Hình thành thái độ tích cực cho sinh viên với việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.</p>
46	<p><i>Âm nhạc 1: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lý thuyết âm nhạc như: cao độ của âm thanh, trường độ của âm thanh, quãng, điệu thức và giọng, hợp âm. Từ đó người học có nền tảng để học những học phần khác như xướng âm, học hát, tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa ở tiểu học...</p>
47	<p><i>Âm nhạc 2: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Âm nhạc 1</i></p> <p>Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về xướng âm ghép lời chuẩn xác các bài hát đơn giản nhịp 2 phách, 3 phách viết ở giọng trưởng, giọng thứ kết hợp gõ đệm theo nhịp hoặc phách; áp dụng kỹ thuật ca hát để học hát kết hợp gõ đệm, vận động phụ họa theo bài hát trong chương trình âm nhạc tiểu học và có phương pháp dạy học các phân môn Âm nhạc ở Tiểu học.</p>
48	<p><i>Mỹ thuật cơ bản 1: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần này có những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình, phương pháp vẽ tranh; rèn luyện kỹ năng thực hành hình hoạ, màu sắc, vẽ trang trí cơ</p>

	bản.
49	<p>Mỹ thuật cơ bản 2: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Mỹ thuật cơ bản 1</i></p> <p>Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phương pháp vẽ tranh, tập nặn tạo dáng. Rèn các kỹ năng phân tích tác phẩm, vẽ tranh, tập nặn tạo dáng.</p>
50	<p>Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về Tập hợp, Quan hệ và ánh xạ, mệnh đề và các phép toán trên mệnh đề, cơ sở logic toán, Suy luận và chứng minh. Áp dụng kiến thức cơ bản trên vào dạy học toán ở tiểu học.</p>
51	<p>Các tập hợp số: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán.</i></p> <p>Học phần gồm những kiến thức cơ bản về: cấu trúc đại số; các phép toán và quan hệ thứ tự trên tập hợp N; cơ sở toán học của nội dung dạy số tự nhiên ở Tiểu học.</p>
52	<p>Số học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Các tập hợp số</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về lý thuyết chia hết, số nguyên tố, một vài hàm số học, phương trình đồng dư và liên phân số.</p>
53	<p>Xác suất thống kê: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về xác suất của biến cố, đại lượng ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên; Bài toán ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê và phân tích tương quan hồi quy; Yếu tố thống kê trong chương trình môn toán ở tiểu học.</p>
54	<p>Đại số sơ cấp: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Các tập hợp số</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về biểu thức đại số, đa thức, phương trình, hệ phương trình, bất phương trình, hệ bất phương trình; áp dụng kiến thức cơ bản trên vào dạy học môn toán ở tiểu học.</p>
55	<p>Tiếng Việt 1: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức về ngôn ngữ và ngôn ngữ học, bản chất, chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ, ngôn ngữ</p>

	là một hệ thống tín hiệu, phân loại ý nghĩa thành tường minh và hàm ẩn.
56	<p>Tiếng Việt 2: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tiếng Việt 1</i></p> <p>Học phần bao gồm những kiến thức về Ngữ âm học tiếng Việt (Ngữ âm và Ngữ âm học, các đơn vị ngữ âm, âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại, một số vấn đề liên quan đến Ngữ âm học trong nhà trường); Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt (Từ và từ vựng, Từ vựng - Ngữ nghĩa học), đơn vị từ vựng, hệ thống từ vựng tiếng Việt.</p>
57	<p>Tiếng Việt 3: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tiếng Việt 2</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt gắn với việc dạy học các môn tiếng Việt ở tiểu học.</p>
58	<p>Văn học 1: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức về lí luận văn học; hệ thống hóa kiến thức về văn học dân gian Việt Nam và văn học viết Việt Nam đã học ở chương trình phổ thông. Người học rèn luyện tư duy lí luận vào việc tìm hiểu và phân tích các tác phẩm văn học và vận dụng vào dạy học tiếng Việt ở tiểu học.</p>
59	<p>Văn học 2: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Văn học 1</i></p> <p>Học phần gồm kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi Việt Nam và văn học nước ngoài trong chương trình tiểu học.</p>
60	<p>Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Cơ sở Tự nhiên và xã hội.</i></p> <p>Học phần gồm kiến thức cơ bản về chương trình, sách giáo khoa, sách giáo viên; một số phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; phương tiện dạy học, phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá; hướng dẫn dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học.</p>
61	<p>Công nghệ và Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần có những kiến thức cơ bản về Công nghệ, kĩ thuật Công nghệ và Phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học. Thực hành kĩ thuật Công nghệ và giảng dạy các nội dung trong chương trình môn Công nghệ ở tiểu học.</p>
62	<p>Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p>

	Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về đạo đức, đạo đức học; nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra và đánh giá, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học môn đạo đức ở tiểu học; hướng dẫn soạn giảng môn Đạo đức
63	<p>Tổ chức hoạt động âm nhạc ngoại khóa: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Âm nhạc 2</i></p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức dàn dựng các hoạt động âm nhạc ngoại khóa, một số hình thức hát và các hoạt động âm nhạc khác trong trường Tiểu học dùng để dàn dựng chương trình văn nghệ phục vụ hoạt động ngoại khóa hoặc chào mừng những ngày lễ hội ở trường Tiểu học.</p>
64	<p>Thường thức mỹ thuật và PPDH Mỹ thuật: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Mỹ thuật cơ bản 1.</i></p> <p>Học phần có các kiến thức về thường thức mỹ thuật Việt Nam và thế giới; thường thức tranh thiếu nhi và phương pháp dạy học mỹ thuật ở bậc tiểu học.</p>
65	<p>Thực hành giải Toán tiểu học 1: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học</i></p> <p>Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về suy luận và dạy học toán tiểu học; một số phương pháp giải các bài toán thông dụng ở Tiểu học và thực hành giải các bài toán đó.</p>
66	<p>Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Các tập hợp số.</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức về PPDH Toán ở Tiểu học: những vấn đề chung về PPDH Toán Tiểu học (khái niệm, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học toán, phương pháp kiểm tra, đánh giá, sử dụng thiết bị, lập kế hoạch dạy học), thực hành dạy học Toán Tiểu học (dạy các mạch kiến thức về Toán theo chương trình SGK tiểu học và dạy giải Toán ở Tiểu học).</p>
67	<p>Hình học sơ cấp: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về phương pháp tiên đề; khái niệm về hình hình học và nghiên cứu tính chất của tam giác, đa giác, đường tròn bằng phương pháp tổng hợp, phương pháp véc tơ và tọa độ.</p>
68	<p>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2; Phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội.</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức về thực hành sư phạm: những vấn đề chung về thực hành sư phạm dành cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học, thực hành các</p>

	kĩ năng sử dụng tiếng Việt trong dạy học, thực hành các kĩ năng dạy học một số môn ở tiểu học.
69	<p>Tiếng Việt thực hành: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm những kiến thức về rèn luyện các kĩ năng đọc và đọc hiểu văn bản; nghe – nói; viết chữ; dùng từ, đặt câu và viết văn miêu tả, văn kể chuyện và văn nghị luận.</p>
70	<p>Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Tiếng Việt 3</i></p> <p>Học phần gồm những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học và phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học: phương pháp dạy học Học vần, Tập viết, Chính tả</p>
71	<p>Mở rộng các tập hợp số: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Các tập hợp số</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức cơ bản về xây dựng tập hợp số nguyên, số hữu tỉ, số thực, số phức; quan hệ thứ tự trên các tập hợp số; phân số; giải phương trình bậc 3 trên C.</p>
72	<p>Thực hành phương pháp dạy học toán ở tiểu học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>PPDH Toán ở Tiểu học</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức về: Chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học nói chung và việc dạy học môn Toán nói riêng, kĩ năng phân tích chương trình, thiết kế kế hoạch dạy học theo định hướng mới, kĩ năng lựa chọn và thiết kế bổ sung các bài tập toán nhằm phát triển hệ thống bài tập trong dạy học môn Toán, kĩ năng phát hiện và xử lý các tình huống sư phạm trong dạy học Toán.</p>
73	<p>Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Phương pháp dạy học toán ở tiểu học.</i></p> <p>Học phần gồm một số kiến thức cơ bản về: Năng lực dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong dạy học Toán ở Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.</p>
74	<p>Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức về dạy học bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học; bồi dưỡng hứng thú học tập và vốn sống cho học sinh giỏi tiếng Việt; bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng tiếng Việt cho học sinh giỏi.</p>
75	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học: 2 TC

	<p>Điều kiện tiên quyết: không</p> <p>Học phần gồm những kiến thức cơ bản về một số vấn đề dạy học phát triển năng lực ở tiểu học; một số phương pháp dạy học và các hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.</p>
76	<p>Thi pháp trong văn học thiếu nhi: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Văn học 2</i></p> <p>Học phần gồm các nội dung kiến thức cơ bản về thi pháp và thi pháp học, quan niệm nghệ thuật về con người, thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật, cốt truyện, kết cấu và ngôn từ nghệ thuật trong văn học thiếu nhi.</p>
77	<p>Thực tập 1: 4 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản về tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương và ở trường tiểu học; thực hành công tác chủ nhiệm lớp và các hoạt động giáo dục; thực hành giảng dạy các môn học văn hóa và các hoạt động chuyên môn khác; viết báo cáo rút kinh nghiệm và thực hiện bài tập về Tâm lý-Giáo dục để nhận thức, tích lũy và bổ sung các kỹ năng dạy học cho bản thân.</p>
78	<p>Thực tập 2: 4TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Thực tập 1</i></p> <p>Học phần gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản về tìm hiểu thực tế giáo dục địa phương và ở trường tiểu học; thực hành công tác chủ nhiệm lớp và các hoạt động giáo dục; thực hành giảng dạy các môn học văn hóa và các hoạt động chuyên môn khác; viết báo cáo rút kinh nghiệm để nhận thức, tích lũy và bổ sung các kỹ năng dạy học cho bản thân.</p>
79	<p>Bồi dưỡng và phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học giải toán: 2 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Phương pháp dạy học toán ở tiểu học.</i></p> <p>Học phần gồm những kiến thức cơ bản về: cơ sở khoa học của việc bồi dưỡng phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học; Bồi dưỡng và phát triển năng lực tư duy cho học sinh tiểu học trong dạy học giải toán; Dạy học một số dạng toán ở tiểu học theo hướng kích thích năng lực tư duy cho học sinh.</p>
80	<p>Hoạt động giao tiếp với dạy học tiếng Việt ở tiểu học: 3 TC</p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học.</i></p> <p>Học phần gồm kiến thức cơ bản về giao tiếp và các hình thức giao tiếp, chức năng của giao tiếp, ngôn bản và các nhân tố giao tiếp, quá trình tạo lập và tiếp nhận lời nói trong giao tiếp, từ và câu trong hoạt động giao tiếp; quan điểm giao tiếp với mục tiêu, nội dung và tổ chức dạy học Tiếng Việt.</p>

81	<p><i>Văn học dân gian Việt Nam: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không.</p> <p>Học phần bao gồm những tri thức cơ bản nhất về khái niệm, đặc trưng, nội dung phản ánh, thi pháp nghệ thuật các thể loại văn học dân gian như: truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, vè, sân khấu dân gian, sử thi, truyện thơ...</p>
82	<p><i>Từ Hán Việt và việc dạy học từ Hán Việt ở tiểu học: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không.</p> <p>Học phần không chỉ giới thiệu những tri thức cơ bản nhất về từ Hán Việt gồm: khái niệm, nhận diện, cấu tạo, ngữ nghĩa mà còn hướng dẫn sinh viên những kĩ năng và phương pháp dạy từ Hán Việt theo tinh thần đổi mới giảng dạy đại học.</p>
83	<p><i>Lịch sử Toán học: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không.</p> <p>Học phần này trang bị cho người học các kiến thức về : Sự phát sinh toán học và toán học sơ cấp; Toán học cao cấp cổ điển và toán học hiện đại.</p>
84	<p><i>Đại số tuyến tính: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: Không.</p> <p>Học phần bao gồm kiến thức về: Ma trận, định thức, ma trận nghịch đảo và hệ phương trình tuyến tính.</p>
85	<p><i>Thực hành giải toán tiểu học 2: 2 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>PPDH Toán ở Tiểu học</i></p> <p>Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về suy luận và dạy học toán tiểu học; một số phương pháp giải các bài toán thông dụng ở Tiểu học và thực hành giải các bài toán đó.</p>
86	<p><i>Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2: 3 TC</i></p> <p>Điều kiện tiên quyết: <i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1</i></p> <p>Học phần gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học các phân môn Tiếng Việt ở Tiểu học: phương pháp dạy học Học vần, Tập viết, Chính tả, Tập đọc, Luyện từ và câu, Kể chuyện và Tập làm văn; một số vấn đề về dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số.</p>

10. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành GDTH đã được đối sánh về CDR và nội dung đào tạo với các trường đại học làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển CTĐT gồm:

Nội dung	CTĐT Giáo dục Tiểu học năm 2022 của Trường Đại học Tân Trào	CTĐT Giáo dục Tiểu học năm 2020 của Trường ĐH Sư phạm, ĐH Thái Nguyên	CTĐT Giáo dục Tiểu học năm 2021 của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2
Tên chương trình	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học
Loại hình đào tạo	Chính quy	Chính quy	Chính quy
Thời gian đào tạo	04	04	04
Tổng số tín chỉ/ Số học phần: (không tính phần giáo dục thể chất và quốc phòng - an ninh). Trong đó:	132	130	135
- Khối kiến thức giáo dục đại cương	28/132	28/130	22/135
- Khối kiến thức cơ sở của ngành	17/132	40/130	14/135
- Khối kiến thức ngành	36/132	55/130	32/135
- Khối kiến thức chuyên ngành	37/132	55/130	60/135
- Thực tập/ Thực hành nghề nghiệp/Đề án môn học	8/132	5/130	7/135
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6/132	7/130	7/135

Từ các kết quả đối sánh trên có thể thấy: các thông số, tiêu chí và nội dung học phần trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường ĐH Tân Trào với Trường ĐH Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, và Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2 chênh lệch nhau 5 tín chỉ (130 -132-135). Tuy nhiên CTĐT của mỗi trường đều có những điểm nổi bật phù hợp với mục tiêu đào tạo, cụ thể:

1. CTĐT của Trường ĐHTT có ưu điểm là *Mục tiêu đào tạo* rõ ràng, *Chuẩn đầu ra* chi tiết và được phân thành các yêu cầu mục cụ thể đảm bảo cho việc hình thành và củng cố các kỹ năng cần thiết và chuyên sâu cho người học để có thể đáp ứng một cách tốt nhất yêu cầu của ngành, xã hội sau khi tốt nghiệp như: *Về kiến thức* (Kiến thức chung; Kiến thức chuyên ngành); *Về kỹ năng* (Kỹ năng cứng; Kỹ năng mềm); *Về thái độ; Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường*. CTĐT còn thể hiện rõ ma trận các học phần; Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; thời gian đào tạo; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo, điều

kiện tốt nghiệp; thang điểm. Đây là những mục không được thể hiện rõ trong CTĐT của trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

2. So sánh CTĐT giữa Trường ĐH Tân Trào, Trường ĐHTT Sư phạm – ĐHTN và Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2:

- Về tổng số tín chỉ: Số tín chỉ trong CTĐT của Trường ĐH Tân Trào tương đương với số tín chỉ trong CTĐT của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2; đồng thời, CTĐT của Trường ĐH Tân Trào tăng 5 tín chỉ so với ĐH Thái Nguyên. Tuy có sự chênh lệch về số tín chỉ nhưng các khối kiến thức trong chương trình của mỗi Nhà trường có những ưu điểm riêng trong việc xác định và lựa chọn các học phần.

- Trong CTĐT của Trường Đại học Tân Trào, các học phần thuộc khối kiến thức đại cương có số tín chỉ gần tương đương với các Trường được đối sánh. Điều này cho phép sinh viên có nền tảng kiến thức sâu; đồng thời, được lựa chọn các học phần phù hợp với năng lực của bản thân.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của cả 3 CTĐT của 3 trường đều chiếm số lượng lớn. Các phân chia các khối kiến thức trong CTĐT của Trường Đại học Tân Trào cho phép SV được trang bị những khối kiến thức cụ thể. Đặc biệt, bên cạnh các học phần bắt buộc số lượng các nhóm học phần tự chọn đa dạng. Các học phần kiến thức chuyên ngành là những học phần nhằm củng cố và khắc sâu thêm kiến thức nền tảng, giúp sinh viên có thể học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở những cấp học cao hơn.

11. PHÊ DUYỆT BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO/THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học đã được xây dựng/điều chỉnh, kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tân Trào.

Thời điểm phê duyệt theo Quyết định số 686/QĐ-ĐHTT, ngày 8/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

